

Số: 3817 /VD-CNTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

V/v Mua sắm linh kiện phục vụ công tác sửa chữa,
thay thế và vận hành các thiết bị Công nghệ thông
tin năm 2025 cho Bệnh viện

Kính gửi: Các công ty/ đơn vị /nhà cung cấp

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá để làm cơ sở mua sắm, tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp cho nhu cầu mua sắm tại bệnh viện. Chúng tôi đề nghị quý Công ty, nhà cung cấp báo giá theo đúng danh mục hàng hóa với nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng đầu mối mua sắm

- Người nhận báo giá: Nguyễn Văn Cường (Nhân viên phòng CNTT)
- Điện thoại: 0243.8253531-5469 – Email: cntt@vduh.org

3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Công nghệ thông tin – 203 nhà A1 – Khu Hành chính Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Số 40 – Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com (Ghi rõ số hiệu văn bản Bệnh viện ban hành, đính kèm bản mềm chào giá của công ty/đơn vị/nhà cung cấp)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 08h ngày 18 tháng 07 năm 2025 đến trước 17h ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Báo giá, ghi đầy đủ ngày tháng báo giá; Thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ ngày bàn giao nghiệm thu và xuất hóa đơn; Kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Không có tạm ứng; Báo giá đảm bảo tính hợp pháp và đóng dấu đầy đủ.

2. Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (nếu có).
3. Hợp đồng tương tự, giấy chứng nhận chất lượng (nếu có)
4. Báo giá phải bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao nhận, chi phí khác có liên quan

Rất mong nhận được sự tham gia của các đơn vị

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; CNTT.

TL.GIÁM ĐỐC
KT.TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Ngọc Toàn

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn 3817 /VĐ- CNTT ngày 18/07/2025)

I. Yêu kỹ thuật

STT	Hàng hoá	Cấu hình chi tiết	Mã ký hiệu/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
LINH KIỆN MÁY TÍNH TRẠM - THIẾT BỊ MẠNG							
01	Bàn phím Máy tính	Giao diện kết nối: USB Chiều dài cáp: $\geq 1,5$ mét Tuổi thọ phím: $\geq 10.000.000$ lần nhấn phím (không bao gồm phím khóa số) Thiết kế chống tràn		Cái	100		
02	Chuột máy tính có dây	Loại kết nối: USB, loại có dây Số nút: 3 Độ phân giải: 800 dpi Chiều dài cáp: 180cm Hệ điều hành tương thích: windows, Mac OS, Linux		Cái	100		
03	Cuộn dây cáp mạng Cat 6 UTP	Thẻ loại: Cat.6 Ruột dẫn: Đồng nguyên chất (99,95%) Đường kính $0,50 \pm 0,01$ (mm) Chất liệu vỏ: PVC Chiều dài cáp: $(305 \pm 1,5)$ m Dấu phân cách: Có		Hộp	10		
04	Hạt mạng Cat 6	Vỏ ngoài: Polycarbonate Kích thước dây sử dụng: 23AWG ~ 26 AWG Nhiệt độ hoạt động: $-40^{\circ}\text{C} \sim 70^{\circ}\text{C}$ ($\pm 5^{\circ}\text{C}$) Chân cắm: Hợp kim đồng, mạ vàng Độ bền cơ khí: ≥ 1200 lần kết nối Quy cách: Túi 100 hạt		Hộp	10		
05	Bộ nhớ trong DDR4 dùng cho PC	Ram cho máy tính để bàn Dung lượng: 8GB (1x8GB) Giao diện: 288 Pin Loại bộ nhớ: DDR4 Tốc độ bus 3200MHz Nhiệt độ hoạt động: -20°C đến 85°C ($\pm 5^{\circ}\text{C}$)		Cái	30		

		Điện áp: 1,2V					
06	Nguồn máy tính để bàn	Chuẩn kích thước nguồn ATX Công suất nhãn danh định/Công suất thực: 550W (công suất chịu tải thực max 450W) ($\pm 10W$) Quạt làm mát: 12cm Điện áp vào: 200-230V Đầu cấp điện: $\geq 1 \times 24PIN$ (dài 550mm), $\geq 4PIN$ CPU x 2 (dài 700mm), $\geq 2 \times VGA P6+2PIN$ (dài 470mm), $\geq 4 \times SATA, 2 \times ODD$ (dài 500+150mm) Đặc điểm khác: Hệ thống cáp nguồn dẹt giúp đi dây gọn gàng hiện đại.		Cái	100		
07	Quạt tản nhiệt cho chip máy tính để bàn (hỗ trợ socket 1156/1155/1150)	Chất liệu : Nhôm + lõi đồng Hỗ trợ Socket 1156/1155/1150		Cái	20		
08	Quạt tản nhiệt cho chip máy tính để bàn (hỗ trợ socket 1700)	Chất liệu : Nhôm + lõi đồng Hỗ trợ Socket 1700		Cái	20		
09	Ổ cứng SSD dùng cho máy tính để bàn	Giao diện: SATA III 6Gb/giây Dung lượng: $\geq 250GB$ Hiệu suất Đọc/Ghi: lên đến 520/430 MB/giây MTBF: 1.000.000 giờ Chống sốc và chống rơi: Có Hệ điều hành hỗ trợ: Windows; MAC OS; Linux		Cái	50		
10	Thiết bị chuyển mạch switch 8 cổng	Chuẩn và Giao thức: IEEE 802.3i / 802.3u / 802.3ab/ 802.3x /802.1p		Cái	50		

		Giao diện: 8 cổng 10/100/1000Mbps, Auto-Negotiation, Auto-MDI/MDIX Tốc độ chuyển gói: ≥ 11.9 Mpps Bảng địa chỉ MAC: $\geq 4K$ Bộ nhớ đệm gói: ≥ 1.5 Mb Tính năng nâng cao: 802.1p/DSCP QoS; IGMP Snooping					
11	Thiết bị chuyển mạch cấp nguồn POE 8 cổng + 2 cổng uplink	Cổng: 8 cổng PoE 10/100 Mbps, 2 cổng Gigabit RJ45 Tổng công suất PoE 60 W Hỗ trợ 802.1Q VLAN Hỗ trợ PoE watchdog Tính năng ngăn ngừa vòng lặp: Có Truyền PoE tầm xa: Lên đến 300 m Bảo vệ chống sét lan truyền: 6 kV		Cái	6		
12	Cổng chuyển đổi DVI sang HDMI	Đầu Vào: DVI Đầu Ra: HDMI Chất Liệu: Vỏ Nhựa PVC chịu nhiệt Đầu Cắm Mạ Vàng 24k Độ Phân Giải: 1440p/1080p/1080i/720p/480p		Cái	10		
13	Dây cáp VGA	Loại cáp kết nối: VGA Chiều dài: $\geq 1.5m$		Sợi	10		
LINH KIỆN MÁY CHỦ							

01	Ổ cứng loại 2.5" dùng cho SAN 3Par 8400	Dung lượng: 600 GB; Giao diện ổ đĩa: SAS; Hiệu suất ổ đĩa: 15000 (vòng/phút); Kích thước: 2,5"; Storage with All-inclusive Single-system Softwwave; Tương thích HPE 3PAR StoreServ 8400 Storage; Bao gồm đầy đủ phụ kiện, dịch vụ lắp đặt, cài đặt		Cái	2		
02	Ổ cứng loại 3.5" dùng cho SAN 3Par 8400	Dung lượng: 6TB; Giao diện ổ đĩa: SAS; Hiệu suất ổ đĩa: 7200 (vòng/phút); Kích thước: 3,5"; Storage with All-inclusive Single-system Softwwave; Tương thích HPE 3PAR StoreServ 8400 Storage; Bao gồm đầy đủ phụ kiện, dịch vụ lắp đặt, cài đặt		Cái	2		
03	Ổ cứng dùng cho NAS QNAP (Loại 14TB)	Dung lượng: 14TB Kiểu dáng: 3.5-inch Giao diện: SATA 6Gb/s Kích thước Sector 4Kn (Byte trên mỗi Sector): 4096 Thời gian trung bình giữa các lần hỏng hóc (MTBF, giờ): 2.500.000		Cái	3		

		Tốc độ quay (RPM): 7200					
04	Ổ cứng chuyên dụng 8TB cho Camera	Dung lượng: $\geq 8\text{TB}$ Kiểu dáng: 3.5-inch Định dạng nâng cao: Có Giao diện: SATA 6Gb/s Bộ nhớ đệm: $\geq 256\text{ MB}$ Cache MTBF: $\geq 1,000,000$ Chu kỳ tải/dỡ: $\geq 300,000$		Cái	8		
05	Module quang 10G	Tốc độ: $\geq 10\text{Gbps}$ Loại: 850nm MMF Công suất phát (dBm): Tối đa -1.2 Tối thiểu -7.3 Công suất thu (dBm): Tối đa -1.0 Tối thiểu -9.9 Bước sóng phát và thu (nm): 840 đến 860 Kích thước lõi (Micron): ≥ 62.5 Tương thích với switch cisco Nexus9000 93180YC-EX		Cái	6		
06	Module quang đồng 10G	Đầu kết nối: RJ-45 Loại thu phát: Quang học Loại cáp: Cat6A/Cat7 hoặc tốt hơn Tốc độ: $\geq 10\text{Gbps}$ Tương thích với các thiết bị có hỗ trợ các tiêu chuẩn 10GBASE-T, 1000BASE-T hoặc		Cái	6		

		100BASE-TX (như IEEE 802.3an, 802.3ab, 802.3u) Tương thích với switch cisco Nexus9000 93180YC-EX					
07	Dây nhảy quang OM4 10m	Loại sợi: OM4 Chiều dài: 10m Số lượng sợi: 2 Đầu nối 1 Loại: LC Duplex Đầu nối 2 Loại: LC Duplex Suy hao phản hồi: 26dB Đường kính ngoài: 2mm Đường kính sợi: 50µm Đạt tiêu chuẩn (tối thiểu về linh kiện cáp quang): TIA/EIA 568-C.3-1 and ISO/IEC 61755-3-1 IEC-61754-7 (quốc tế)		Sợi	10		
08	Dây nhảy quang OM4 3m	Loại sợi: OM4 Chiều dài: 3m Số lượng sợi: 2 Đầu nối 1 Loại: LC Duplex Đầu nối 2 Loại: SC Duplex Suy hao phản hồi: 26dB Đường kính ngoài: 2mm Đường kính sợi: 50µm		Sợi	10		

		Đạt tiêu chuẩn (tối thiểu về linh kiện cáp quang): TIA/EIA 568-C.3-1 and ISO/IEC 61755-3-1 IEC- 61754-7 (quốc tế)					
	LINH KIỆN TRUYỀN HÌNH, HỘI CHẨN						
	Thiết bị mở rộng HDMI qua LAN (sender)	Thiết bị mở rộng HDMI qua LAN (sender) Khoảng cách sử dụng: $\geq 120\text{m}$ Chuẩn hỗ trợ: HDCP 1.2, EDID/CEC Độ phân giải tối đa: 1080P@60Hz Khoảng cách truyền: 120m (cáp LAN Cat5e/6) Hỗ trợ cascade Lên đến 5 cấp (tổng khoảng cách 600m) Cáp HDMI hỗ trợ: $\leq 20\text{m}$ (24AWG) Tích hợp hồng ngoại: Có Vật liệu vỏ: Hợp kim kẽm		Cái	2		
	Thiết bị mở rộng HDMI qua LAN (receiver)	Thiết bị mở rộng HDMI qua LAN (receiver) Khoảng cách sử dụng: $\geq 120\text{m}$ Chuẩn hỗ trợ: HDCP 1.2, EDID/CEC Độ phân giải tối đa: 1080P@60Hz Khoảng cách truyền: 120m (cáp LAN Cat5e/6) Hỗ trợ cascade Lên đến 5 cấp (tổng khoảng cách 600m) Cáp HDMI hỗ trợ: $\leq 20\text{m}$ (24AWG) Tích hợp hồng ngoại: Có		Cái	2		

msf

		Vật liệu vỏ: Hộp kim kẽm					
	Bộ chuyển đổi Video Micro Converter SDI to HDMI	Đầu vào: 1 x SD, HD or 3G-SDI Đầu ra: HDMI Type A out Kết nối video SDI có thể chuyển đổi giữa độ nét chuẩn, 720p, 1080i, 1080p và độ nét cao DCI Hệ điều hành tương thích: Mac Os, Windows		Cái	2		
	Cáp tín hiệu SDI	Chiều dài : $\geq 5\text{m}$ Độ phân giải tối đa: $\geq 1920 \times 1080\text{p}$		Sợi	4		
	Tổng giá trị trước thuế						
	Thuế VAT						
	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, chi phí vận chuyển)						

II. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa và dịch vụ được cung cấp phải có xuất xứ rõ ràng bao gồm: Tên hãng sản xuất, Tên nước sản xuất, Tên và mã hiệu của thiết bị, năm sản xuất.

Mỗi danh mục hàng hoá trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nhà thầu chỉ được đề xuất 01 xuất xứ hàng hoá tương ứng;

Yêu cầu xuất xứ hàng hóa phải đủ điều kiện chứng tỏ rằng: Hàng hóa được sản xuất mới 100% và Sản xuất từ năm 2024 trở về sau.

Nhà thầu cần nêu đầy đủ chi tiết các đặc tính kỹ thuật và có gửi kèm theo catalog của nhà sản xuất.

Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành, bảo trì của hàng hóa, thiết bị.

Đối với giá dự thầu hàng hóa mua sắm:

- + Hàng hóa mua sắm trong nước, giá dự thầu đã bao gồm chi phí hàng hóa, vận chuyển, lắp đặt, các loại thuế, phí theo quy định và hướng dẫn sử dụng, các chi phí khác để thực hiện mua sắm.

- + Hàng hóa mua sắm nhập khẩu giá dự thầu đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, các chi phí khác để thực hiện mua sắm, không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng.

III. Yêu cầu khác

Toàn bộ hàng hóa thiết bị cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo tính đồng bộ và mới 100% chưa qua sử dụng.

Tất cả hàng hóa thiết bị đều phải là các sản phẩm hợp pháp, không vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ hoặc bản quyền theo quy định của pháp luật.

Chế độ bảo hành: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Kế hoạch bảo hành nhà thầu đề xuất phải đầy đủ các nội dung về nội dung công việc bảo hành, thời gian bảo hành cụ thể cho từng loại hàng hóa và quy trình xử lý khi nhận được yêu cầu bảo hành từ Chủ đầu tư.

- + Việc bảo hành, bảo trì thiết bị được thực hiện hoàn toàn miễn phí
- + Thực hiện thay thế, sửa chữa các thiết bị khi bị hư hỏng, lỗi kỹ thuật trong vòng 2 ngày khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Thời gian sửa chữa thiết bị kéo dài thì phải có kế hoạch thay thế thiết bị khác cho Chủ đầu tư để sử dụng.

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Nguyễn Ngọc Toàn

